

Bản án số: 03/2021/HS-PT
Ngày 05 tháng 01 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 625/2020/HSPT-TL ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Phùng Duy H do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 94/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Bị cáo không có kháng cáo, bị kháng nghị:

Phùng Duy H, sinh năm 1988; tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Duy T1, sinh năm 1957 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1957; có vợ tên Lê Thị Thu T2, sinh năm 1990 (đã ly hôn tháng 3/2017); tiền án, tiền sự: Không; ngày 07/5/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương bắt tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Phùng Duy H: Ông Đỗ Hải B– Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Duy H làm nghề lao động tự do và có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội với ông Nguyễn Bá T3, sinh năm 1953 là giám đốc Công ty TNHH H1, địa chỉ: Số 42/4, đường P, phường P, thành phố T4, tỉnh Bình Dương.

Vào khoảng tháng 9/2018, H hỏi ông T3 để vay số tiền 900.000.000 đồng, ông T3 đồng ý với điều kiện phải có tài sản thế chấp. Do không có tài sản gì nên đầu tháng 10/2018, thông qua trang mạng xã hội H lấy thông tin và nhờ làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa 566, tờ bản đồ 62, diện tích 198m², địa chỉ phường P1, thành phố T4, tỉnh Bình Dương mang tên Phùng Duy H do UBND thành phố T4 cấp ngày 12/10/2016 (gọi tắt là thửa số 566). Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 566, H đưa cho ông T3 xem và tin tưởng là đất của H. Ông T3 biết Lê Thị Thu T2, sinh năm 1990 là vợ của H nên yêu cầu phải có chị T2 phải cùng H ký vào hợp đồng đặt cọc. Lúc này H tìm gặp chị T2 và nói dối là trong thời gian sống chung với T2, H có mua chung với bạn một thửa đất, hiện cần vay tiền của ông T3 nên nhờ T2 giúp ký vào hợp đồng đặt cọc, T2 tin H nói là thật nên đã đồng ý. Ngày 27/10/2018, H chở T2 đến Công ty TNHH H1 thuộc phường P, thành phố T4 gặp ông T3. Tại đây, T2 lẫn tay, ký và viết tên vào hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng rồi đi về trước. Còn H và ông T3 tiếp tục thỏa thuận ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 566 với giá trị chuyển nhượng 1.200.000.000 đồng và đặt cọc số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn đặt cọc là trong vòng 90 ngày hai bên sẽ ra văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ông T3 trả hết số tiền còn lại. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nếu bên H không bán cho ông T3 thì H phải trả cho ông T3 số tiền cọc và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng, biên độ giao động 2,5-3,5% tùy từng thời điểm.

Đến tháng 3/2019, gần hết thời hạn 90 ngày phải ra Văn phòng công chứng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sợ bị phát hiện nên H xin ông T3 gia hạn bằng hình thức ký lại hợp đồng đặt cọc. Ngày 01/3/2019, H làm sẵn hợp đồng gia hạn và nhờ T2 ký vào để giao cho ông T3 thay cho hợp đồng đặt cọc ngày 27/10/2018. Đến tháng 6/2019, H tránh mặt và tắt điện thoại. Ông T3 không liên lạc được với H nên đã đến Ủy ban nhân dân phường P1, thành phố T4 để kiểm tra thông tin về thửa đất thì biết thửa đất giao dịch giữa ông H và ông T3 là không có thật. Ngày 20/7/2019, ông T3 làm đơn tố cáo Phùng Duy H đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương.

Tại Kết luận giám định số 338 ngày 06/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận:

+ Hình dấu tròn có nội dung: “* ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T4 T. BÌNH DƯƠNG” trên tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu không phải cùng 01 con dấu đóng ra và được làm giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

+ Chữ ký mang tên “Bùi Minh Thạnh” trên 01 (một) “01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành: CA 328519, số vào sổ cấp GCN: CH07085, đề ngày 12/10/2016 mang tên

Phùng Duy H so với chữ ký của Bùi Minh T5 trên các tài liệu mẫu không do cùng một người ký.

Tại Kết luận giám định số 452 ngày 18/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Chữ ký, dấu vân tay không ghi họ tên, cuối mỗi trang và chữ ký, chữ viết họ tên, dấu vân tay mang tên “Phùng Duy H”, “Lê Thị Thu T2” do cùng một người ký, viết và in ra.

Đối với hành vi của Lê Thị Thu T2 đã ly hôn với H vào tháng 3/2017: Do tin tưởng Phùng Duy H và theo yêu cầu của ông T3, T2 đồng ý ký vào Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng với H. H không bàn bạc, không nói cho T2 biết bản chất sự việc chiếm đoạt tiền của ông T3 và không được H chia tiền hay hưởng lợi gì khác nên hành vi của Lê Thị Thu T2 không đủ có yếu tố cấu thành tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Bá T3 yêu cầu bị cáo Phùng Duy H trả lại số tiền bị thiệt hại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 94/2020/HSST ngày 22/9/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên bố bị cáo Phùng Duy H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

Xử phạt bị cáo Phùng Duy H 12 (mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 01 (một) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/5/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/10/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận được Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 59/QĐ-VC3-V1 ngày 21/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2020/HSST ngày 22/9/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo hướng áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo Phùng Duy H về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tăng hình phạt đối với bị cáo Phùng Duy H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 59/QĐ-VC3-V1 ngày 21/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 59/QĐ-VC3-V1 ngày

21/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm quy kết. Đối với hành vi lừa đảo, án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo có hành vi làm giả và sử dụng giấy tờ giả để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo nhờ trên mạng xã hội làm, không biết là ai nên chưa có đủ căn cứ xét xử bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, chỉ có căn cứ xét xử bị cáo về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo Điều 341 Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức là không chính xác. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ. Căn cứ, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo sử dụng tài liệu giả phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt ông T3 số tiền 900 triệu đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần án sơ thẩm về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 xét xử bị cáo về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, xử bị cáo mức án từ 03 -03 năm 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Án sơ thẩm xét xử bị cáo về hai tội danh, bị cáo đồng ý và không kháng cáo. Về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên kháng nghị và đề nghị xử bị cáo về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, xử bị cáo mức án từ 03 -03 năm 06 tháng tù. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có kháng cáo. Tình tiết định tội của Điều 174 có hành vi gian dối từ giấy tờ giả. Hình phạt của khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là 12 năm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị mức án đầu khung là nghiêm khắc. Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển sang áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng mức án giữ nguyên cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Bị cáo trình bày: Thống nhất ý kiến của người bào chữa cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia tranh luận: Luật sư thống nhất kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ nhưng đề nghị sửa phần áp dụng pháp luật và giữ nguyên mức án về hình phạt. Lẽ ra, bị cáo bị xét xử về hai tội nhưng hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức chưa đủ cơ sở kết luận. Cấp sơ thẩm áp dụng không đúng pháp luật, xét xử bị cáo mức án nhẹ. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị xử bị cáo ở mức án đầu khung là không nặng.

Bị cáo trình bày: Bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, kính

mong Hội đồng xem xét hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phùng Duy H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu.

Từ tháng 9/2018 đến tháng 10/2018, do cần tiền tiêu xài vào mục đích cá nhân, Phùng Duy H đã cung cấp thông tin cá nhân, để đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch (thông qua mạng xã hội) để nhờ làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phùng Duy H (theo Kết luận giám định số 338 ngày 06/9/2019 và Kết luận giám định số 452 ngày 18/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương), sử dụng giấy tờ giả để ký kết hợp đồng đặt cọc với ông Nguyễn Bá T3 nhằm mục đích chiếm đoạt của ông Nguyễn Bá T3 số tiền 900.000.000 đồng.

Bà Lê Thị Thu T2 có hành vi cùng với bị cáo Phùng Duy H ký vào hợp đồng đặt cọc với ông Nguyễn Bá T3. Tuy nhiên, vào tháng 3/2017, bà T2 đã ly hôn với bị cáo H, và do tin tưởng Phùng Duy H và theo yêu cầu của ông T3, T2 đồng ý ký vào Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng với bị cáo H. Phùng Duy H không bàn bạc, không nói cho T2 biết bản chất sự việc chiếm đoạt tiền của ông T3 và không được Phùng Duy H chia tiền hay hưởng lợi gì khác nên hành vi của Lê Thị Thu T2 không đủ có yếu tố cấu thành tội phạm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình xét xử, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các kết luận giám định, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ.

[3] Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần nội dung của bản án bị kháng nghị theo quy định tại Điều 345 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phùng Duy H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phùng Duy H về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và đã bị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bị cáo không cung cấp được nhân thân lai lịch và Cơ quan điều tra không xác định lai lịch của đối tượng đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất để bị cáo sử dụng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại nên chưa có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Bị cáo biết rõ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là loại giấy tờ chỉ có cơ quan hành chính nhà nước mới có thẩm quyền cấp. đã cung cấp các thông tin (họ tên, năm sinh, địa chỉ, số thửa 566, tờ bản đồ 62, diện tích 198m², địa chỉ phường P1, thành phố T4, tỉnh Bình Dương) cho đối tượng không rõ nhân thân lai lịch để nhờ làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CA 328519 mang tên Phùng Duy H. Bị cáo đã sử dụng giấy tờ giả này giao cho ông T3 để chiếm đoạt tiền của ông T3.

[3.2] Về hình phạt:

Hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác của bị cáo là hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo.

Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa đề nghị.

[4] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm về tội làm giả con dấu, tài liệu của

cơ quan, tổ chức, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Phùng Duy H 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/5/2020.

3. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bị cáo Phùng Duy H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- CA tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương (Để tổng đạt cho Bị cáo);
- Lưu (Án - Duyệt/Trúc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương